

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG Đ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 102/2022/QĐST- HNGĐ

Quảng Điền, ngày 29 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG Đ- TỈNH THỪA THIÊN HUẾ.

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 109/2022/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Chị Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, sinh năm 2002. Nơi cư trú: Thôn Đông Hải, xã Quảng Ngạn, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Anh Phan Văn S, sinh năm 2000. Nơi cư trú: Thôn 2, Khu định cư 2, xã Hải Dương (nay là Thôn Thai Dương Hạ Trung, xã Hải Dương), thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn S và chị Nguyễn Thị Mỹ H kết hôn tự nguyện sau thời gian tìm hiểu 01 năm, được gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và anh, chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hải Dương, thị xã Hương Trà (nay thành phố Huế), tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 17/02/2021. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân của anh S, chị H là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không Hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Do mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được, nên anh S và chị H cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Anh Phan Văn S và chị Nguyễn Thị Mỹ H xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Phan Nguyễn Gia H, sinh ngày 03/04/2020. Khi ly hôn anh S, chị H đã thỏa thuận giao cháu Huy cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền

nuôi cháu Huy 2.000.000 đồng/ tháng kể từ tháng 12/2022 trở đi cho đến khi cháu Huy trưởng thành (đủ 18 tuổi).

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phan Văn S và chị Nguyễn Thị Mỹ H xác nhận vợ chồng chung sống không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Phan Văn S và chị Nguyễn Thị Mỹ H mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật, nhưng chị H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí ly hôn của cả hai người là 300.000 đồng và chị đã nộp đủ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 21 tháng 11 năm 2022), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của anh Phan Văn S và chị Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

- Về nuôi con chung: Giao con chung cháu Phan Nguyễn Gia Huy, sinh ngày 03/04/2020 cho anh Phan Văn S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị Mỹ H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Phan Nguyễn Gia H 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/ tháng kể từ tháng 12/2022 trở đi cho đến khi cháu Phan Nguyễn Gia H trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phan Văn S và chị Nguyễn Thị Mỹ H xác nhận vợ chồng chung sống không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Phan Văn S và chị Nguyễn Thị Mỹ H mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Nhưng chị H chịu toàn bộ lệ phí ly hôn 300.000 đồng và chị Nguyễn Thị Mỹ H đã nộp tạm ứng lệ phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002220 ngày 02/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, nên được khấu trừ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T T Huế;
- VKSND huyện Quảng Đ;
- THADS huyện Quảng Đ;
- UBND xã Hải Dương, TP H;
- (ĐKKH ngày 17/02/2021)
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Lê Tuyết Linh